CÔNG BẰNG XÃ HỘI TRONG ĐIỀU KIỆN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

PHẠM XUÂN NAM (*)

Công bằng xã hội từng là mơ ước của nhân loại tiến bộ từ rất lâu đời. Trong thời đại ngày nay, công bằng xã hội đã trở thành một mục tiêu trực tiếp của sự phát triển lành mạnh và bền vững mà các quốc gia trên thế giới đều mong muốn đạt tới. Tuy nhiên trên thực tế, đây là bài toán khó mà không phải nước nào cũng có thể tìm ra lời giải thỏa đáng. Bởi lẽ để biến mục tiêu đó thành hiện thực thì phải có hàng loạt điều kiện khách quan và chủ quan cần thiết, phải giải quyết nhiều mối quan hệ – đặc biệt là mối quan hệ giữa thúc đẩy tăng trưởng và thực hiện công bằng - trong một mô hình kinh tế cụ thể.

Với cách đặt vấn đề như thế, bài viết này sẽ lần lượt phân tích một số nội dung chủ yếu sau:

I. Điểm qua một số mô hình kinh tế tiêu biểu trên thế giới xét từ góc độ giải quyết mối quan hệ giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội

Về đại thể, thời kỳ từ sau Chiến tranh Thế giới thứ Hai, trên thế giới có ba loại mô hình phát triển kinh tế khác nhau được áp dụng. Mỗi loại mô hình đều dựa vào một lý thuyết phát triển nhất định, phản ánh bản chất của chế độ chính trị-xã hội và truyền thống văn hóa của mỗi nước.

Một là, mô hình kinh tế thị trường tự do

Kế thừa luận điểm nổi tiếng về "bàn tay vô hình" trong nền kinh tế thị trường tự do mà Adam Smith – ông tổ của chủ nghĩa tự do cổ điển - đưa ra vào cuối thế kỷ XVIII, từ cuối những năm 1970, nhiều nhà kinh tế học phương Tây như Von Hayek, Milton Friedman... đã khuyến khích các nước Âu, Mỹ và cả một số nước đang phát triển điều chỉnh mô hình kinh tế theo chủ nghĩa tự do mới. Thực hiện mô hình này, người ta hạ thấp vai trò của nhà nước, đề cao vị trí của khu vực tư nhân, giảm chi tiêu từ ngân sách quốc gia cho các lợi ích công cộng, điều chỉnh lại việc phân phối thu nhập theo hướng có lợi cho giới chủ tư bản nhằm khuyến khích họ "tiết kiệm và đầu tư", góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng của nền kinh tế quốc dân.

(*) GS, TS., Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

Một trường phái của chủ nghĩa tự do mới là chủ nghĩa bảo thủ mới còn đưa ra khẩu hiệu "*Tăng trưởng và nhỏ giọt từ trên xuống*" (Growth and trickle down) (1, p.18). Điều đó có nghĩa rằng tăng trưởng kinh tế phải đi trước, công bằng xã hội sẽ theo sau, người nghèo hãy kiên tâm chờ đợi!

Hai là, mô hình kinh tế thị trường xã hội

Đây là mô hình dựa theo lý thuyết của John Maynard Keynes, theo đó người ta kết hợp sử dụng kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa với việc thi hành một hệ thống các chính sách phúc lợi để tạo ra sự đồng thuận xã hội cho phát triển. Nhà nước phúc lợi Thụy Điển là điển hình của mô hình này. Hệ thống các chính sách phúc lợi ở đây, bao gồm các chính sách trợ cấp cho giáo dục, y tế, trẻ em, người già, người tàn tật, người thất nghiệp…, được nhà nước chi ở mức cao nhất thế giới. Tuy vậy, với chính sách phúc lợi lớn, số đông người dân dễ lạm dụng các trợ cấp xã hội, còn các chủ tư bản thì tìm cách chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài để tránh thuế lũy tiến cao đánh vào thu nhập. Kết quả là, kinh tế thị trường trong nước có lúc đã rơi vào suy thoái và nhà nước phúc lợi xã hội cũng tỏ ra "có những dấu hiệu kiệt sức" (1, p.31). Sau đấy ít năm, Chính phủ Thụy Điển đã phải cắt giảm một phần các khoản phúc lợi xã hội với lập luận rằng: "Phải dỡ bỏ một bộ phận của chế độ phúc lợi xã hội nhằm cứu vãn cốt lõi của chế độ này" (2, p.177).

Ba là, mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung phi thị trường

Trong một thời gian, ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa trước đây, mô hình này đã từng phát huy tác dụng tích cực trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế theo chiều rộng trên cơ sở kỹ thuật cổ điển, đồng thời tạo nên sự bình ổn xã hội bằng những chính sách quan tâm đến các mặt của đời sống con người. Tuy nhiên, càng về sau nó càng bộc lộ nhiều khuyết tật, mà chủ yếu là các nhu cầu về xã hội vượt quá khả năng đáp ứng của một nền kinh tế không năng động, rất chậm chạp trong việc ứng dụng những thành tựu mới nhất của khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất kinh doanh, do cơ chế kế hoạch hóa tập trung cao độ dần dần biến thành tập trung quan liêu và thực hiện chế độ bao cấp về cơ bản theo chủ nghĩa bình quân. Chính điều đó đã kìm hãm, thậm chí làm triệt tiêu động lực của sự phát triển, khiến cho các nước áp dụng mô hình đó dần dần lâm vào tình trạng trì trệ, rồi khủng hoảng kinh tế-xã hội trầm trọng.

Từ thực tế của ba loại mô hình phát triển kinh tế nêu trên, trong những năm gần đây, càng ngày càng có thêm nhiều nhà khoa học tiến bộ, nhiều nhà chính trị sáng suốt trên thế giới cho rằng: Phải xây dựng lại các lý thuyết và mô hình phát triển của các quốc gia sao cho tăng trưởng kinh tế không đi ngược chiều mà có thể đi đôi với công bằng xã hội.

Ngay ở Mỹ, khác với quan điểm chính thống, một số nhà khoa học có đầu óc tỉnh táo đã đề xuất ý tưởng về việc thực hiện tăng trưởng kinh tế trong công bằng. Chẳng hạn, nhà xã hội học Frank Scarpati cho rằng mục tiêu công bằng xã hội có thể được thực hiện thông qua một chính sách làm giảm sự tập trung những nguồn tài nguyên kinh tế trong tay một số ít người nắm độc quyền

trong xã hội. Nhưng ông ta không nói rõ làm thế nào để thực hiện được chính sách đó trong lòng xã hội Mỹ.

Mặc dù đi theo nền kinh tế thị trường tự do, nhưng trong kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hiện nay của mình, Indonesia đã xác định phương châm phát triển trong công bằng và đoàn kết. Cũng vậy, *Tầm nhìn 2020* của Malaysia được xây dựng từ năm 1990 đã đề ra mục tiêu tăng gấp 8 lần tổng thu nhập quốc dân trong vòng 30 năm, đồng thời thực hiện công bằng xã hội, ổn định chính trị, bảo vệ các giá trị tinh thần của dân tộc.

Đặc biệt, tiếp theo những thành tựu to lớn của gần 30 năm cải cách mở cửa, Đại hội XVII của Đảng Cộng sản Trung Quốc (2007) đã nhấn mạnh nhiệm vụ phát triển khoa học, tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, duy trì tốc độ tăng trưởng nhanh và bền vững nhằm thực hiện mục tiêu cùng giàu có, xã hội công bằng, phân chia một cách hợp lý những thành quả kinh tế-xã hội để tất cả các thành viên trong xã hội đều được hưởng.

II. Kết hợp tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam qua hơn 20 năm Đổi mới - Thành tựu và vấn đề đặt ra

Mọi người đều biết, từ cuối những năm 70 đến giữa những năm 80 của thế kỷ XX, do nhiều nguyên nhân, mà chủ yếu là do những sai lầm chủ quan, duy ý chí trong nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp đã lỗi thời, Việt Nam đã lâm vào cuộc khủng hoảng kinh tế-xã hội trầm trọng. Trong điều kiện như thế, việc thực hiện công bằng xã hội về thực chất chỉ là “chia đều sự nghèo khổ”[(*)]. Tiêu cực xã hội lan rộng. Lòng dân không yên.

Để đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng, Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (12-1986) đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện, trong đó có chủ trương mang tính đột phá là: Chuyển nền kinh tế từ mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó chính là *nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*.

Theo chủ trương này, chúng ta sử dụng cơ chế thị trường với tư cách là thành quả của nền văn minh nhân loại làm phương tiện để năng động hóa và đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân. Chúng ta không rập khuôn theo mô hình kinh tế thị trường tự do – dù là dựa vào lý thuyết của chủ nghĩa tự do cổ điển hay lý thuyết của chủ nghĩa tự do mới. Bởi thực tế đã cho thấy, bản thân nền kinh tế thị trường tự do không tự động dẫn đến công bằng xã hội, trái lại có khi còn làm cho phân hóa giàu nghèo quá mức, kéo theo nhiều mâu thuẫn xã hội nan giải. Chúng ta chú ý kết hợp sử dụng cả "bàn tay vô hình" của cơ chế thị trường với bàn tay hữu hình của Nhà nước để phòng ngừa và khắc phục những thất bại của thị trường trong việc giải quyết

---

[(*)] Theo các số liệu thống kê năm 1980, chi tiêu bình quân đầu người/tháng của công nhân, viên chức lúc bấy giờ là 40,42 đồng, trong đó 43,2% chi cho ăn uống, gồm 11,52 kg gạo, 0,56 kg thịt, 0,40 kg cá, 0,76 quả trứng, 4,52 kg rau, 0,15 kg đường... Mức chi tiêu của nông dân còn thấp hơn.

các vấn đề xã hội trên nguyên tắc công bằng. Chúng ta chú ý tham khảo và tiếp thu có lựa chọn những kinh nghiệm hay của mô hình kinh tế thị trường xã hội trong việc thực hiện các chính sách phúc lợi công cộng, nhưng cũng không sao chép mô hình đó. Vì tình hình kinh tế-xã hội và truyền thống văn hóa của mỗi nước đều có đặc thù riêng, cho nên không thể áp dụng nguyên xi một mô hình nào đó từ bên ngoài.

Xuất phát từ đặc điểm của đất nước sau hơn 70 năm tiến hành cách mạng dưới ngọn cờ độc lập và chủ nghĩa xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam chủ trương sử dụng đúng đắn các công cụ quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước đối với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần của nhân dân.

Cùng với đà tiến triển của công cuộc đổi mới, chủ trương trên đã dần dần được cụ thể hóa và thể chế hóa thành một hệ thống các chính sách có liên quan trên nhiều lĩnh vực như:

- Thừa nhận lợi ích chính đáng của người lao động và tất cả các chủ thể thuộc mọi thành phần kinh tế; khắc phục chủ nghĩa bình quân, thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội.

- Hướng dẫn và hỗ trợ để mọi tầng lớp nhân dân có thể tự tạo việc làm cho mình và cho người khác. Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.

- Xem giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm phát huy nguồn lực con người - yếu tố cơ bản để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững. Thực hiện công bằng trong giáo dục, tạo điều kiện để ai cũng được học hành.

- Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân, có chính sách trợ cấp và bảo hiểm y tế cho người nghèo.

- Đặt con người – với tư cách là từng cá nhân và cả cộng đồng - vào vị trí trung tâm của mọi chiến lược, chính sách và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội, tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình.

Thực tiễn của quá trình đổi mới từ cuối năm 1986 đến nay đã chứng tỏ, bên cạnh nhiều nhân tố khác, chính việc thực hiện những chủ trương, chính sách nói trên đã có tác dụng khơi dậy tính năng động và chủ động xã hội của mọi tầng lớp dân cư, tạo nên động lực to lớn thúc đẩy kinh tế-xã hội phát triển.

Nhìn chung, kinh tế đã đạt tốc độ tăng trưởng khá cao liên tục trong nhiều năm liền, đời sống của đại đa số nhân dân được cải thiện rõ rệt. Riêng thời kỳ 1991-2005, GDP tăng 2,5 lần, đồng thời tỷ lệ hộ nghèo đói theo chuẩn quốc tế giảm từ 58% xuống còn khoảng 22%. Và như vậy Việt Nam đã "hoàn thành sớm hơn so với Mục tiêu Thiên niên kỷ: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015" mà Liên Hợp Quốc đề ra (3, tr.1). Trong cùng thời gian, cả nước đã đạt chuẩn quốc gia về xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học, trên 30 tỉnh thành đã đạt phổ cập trung học cơ sở, tỷ lệ người lớn biết chữ là 90,3%. Công tác

chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ, tuổi thọ trung bình của người dân tăng từ 63 lên 73,7. Chỉ số phát triển con người (HDI) từ mức dưới trung bình: 0,498 năm 1991 tăng lên mức trung bình: 0,733 năm 2005, xếp thứ 105/177 nước được thống kê (4, tr.236).

Tuy nhiên, đến nay Việt Nam vẫn còn là một nước đang phát triển với mức thu nhập thấp (835 USD/người/năm). Khoảng 60% lực lượng lao động xã hội hiện tập trung trong các ngành nông-lâm-ngư; công nghiệp còn nhỏ bé, dịch vụ chưa phát triển; nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được thể chế hóa đồng bộ; chất lượng tăng trưởng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế còn kém. Trong lĩnh vực phát triển xã hội, nhiều chính sách đã ban hành chưa được thực hiện tốt, một số chính sách còn thiếu hoặc có những điểm bất cập. Đời sống của một bộ phận dân cư, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số miền núi... còn nhiều khó khăn. Khoảng cách giàu - nghèo giữa các tầng lớp dân cư, giữa thành thị và nông thôn, miền xuôi và miền núi đang có xu hướng doãng ra. Khoảng cách thu nhập giữa nhóm 20% giàu nhất và nhóm 20% nghèo nhất trong tổng số dân cư cả nước năm 1991 là 4,2 lần, năm 2002 tăng lên 8,1 lần. Mấy năm gần đây, việc xóa đói giảm nghèo có xu hướng chậm lại, số hộ tái nghèo do thiên tai, dịch bệnh tăng lên. Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị và thiếu việc làm ở nông thôn còn cao (tương ứng là 5,5% và khoảng 24 - 25% hiện nay). Hiện tượng làm giàu bất chính do tham nhũng, buôn lậu, lừa đảo, đầu cơ vẫn chưa được ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả.

Từ những điều nói trên, một vấn đề có ý nghĩa then chốt được đặt ra đối với giới nghiên cứu lý luận và giới hoạt động thực tiễn của Việt Nam hiện nay là cần phải làm gì và làm thế nào để góp phần phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục những yếu kém còn lại của quá trình phát triển kinh tế-xã hội, tiếp tục thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vì mục tiêu *dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*?

Thật ra, không có câu trả lời dễ dàng, giản đơn cho câu hỏi được đặt ra trên đây. Tuy vậy, căn cứ vào những kinh nghiệm thực tế - cả thành công và không thành công - của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hơn 20 năm qua, đồng thời tham khảo kinh nghiệm quốc tế, chúng tôi thử nêu lên một số ý kiến về vấn đề đã được đặt ra như sau.

III. Cụ thể hóa hệ quan điểm và kiến nghị một số hướng giải pháp về thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thời gian tới

3. 1. Hệ quan điểm

Căn cứ vào quan điểm tổng quát của Đảng Cộng sản Việt Nam về "*thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển*" (5, tr.77), chúng tôi thấy có thể cụ thể hóa quan điểm đó thành một số nội dung chủ yếu sau đây:

Một là, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện công bằng xã hội và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế có thể và cần phải làm tiền đề và điều kiện cho nhau. Tăng trưởng kinh tế tạo ra điều kiện vật chất để thực hiện công bằng xã hội, ngược lại thực hiện tốt công bằng xã hội lại trở

thành động lực tinh thần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Không thể có công bằng xã hội trên cơ sở một nền kinh tế trì trệ và kém hiệu quả. Cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, có hiệu quả cao và bền vững trong một xã hội với đa số dân chúng thấp kém về trí tuệ, ốm yếu về thể chất và một bộ phận đáng kể lực lượng lao động thất nghiệp, nghèo đói, bị đẩy ra ngoài lề xã hội.

Hai là, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi thực hiện công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển kinh tế. Không chờ đợi đến khi kinh tế đạt đến trình độ phát triển khá cao rồi mới thực hiện công bằng xã hội, càng không hy sinh công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần vì lợi ích của một thiểu số. Muốn vậy, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới bảo đảm công bằng xã hội; mỗi chính sách bảo đảm công bằng xã hội đều phải góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, dù trực tiếp hay gián tiếp, trước mắt hoặc lâu dài.

Ba là, trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa, việc thực hiện công bằng xã hội không thể chỉ dựa vào chính sách điều tiết và phân phối lại thu nhập của các tầng lớp dân cư. Kế thừa và phát huy thành quả của quá trình đổi mới hơn 20 năm qua, giờ đây chúng ta có thêm tiền đề và điều kiện cần thiết để bảo đảm cho mọi người dân, nhất là những người thuộc các nhóm yếu thế và dễ bị tổn thương, đều có *cơ hội công bằng* trong tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản về giáo dục, đào tạo, y tế, việc làm, tín dụng, thông tin... để họ có thể lo liệu và dần dần cải thiện cuộc sống của bản thân và gia đình, đồng thời góp phần xây dựng đất nước.

Bốn là, thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, đa sở hữu phải triệt để khắc phục những tàn dư của chế độ phân phối bình quân, "cào bằng", chia đều các nguồn lực và của cải làm ra, bất chấp chất lượng hiệu quả của sản xuất, kinh doanh và sự đóng góp công sức, trí tuệ, tài sản của mỗi người cho sự phát triển chung của đất nước, như sai lầm của thời kỳ trước đổi mới. Cũng không thể dồn phần lớn của cải làm ra để thực hiện các chính sách bảo đảm công bằng xã hội vượt quá khả năng mà nền kinh tế cho phép. Bởi như vậy thì sẽ làm giảm những điều kiện cần thiết để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khiến cho kinh tế trì trệ, suy thoái và rốt cuộc cũng không thực hiện được các chính sách xã hội theo hướng công bằng. Do đó, trong mỗi bước đi, mỗi thời điểm cụ thể của quá trình phát triển đất nước phải tìm ra đúng cái "độ" hợp lý giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội sao cho hai mặt này không cản trở, thậm chí triệt tiêu lẫn nhau mà hỗ trợ cho nhau cùng tiến tới.

Năm là, để thực hiện công bằng xã hội trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thì vai trò quản lý và điều tiết vĩ mô của Nhà nước là hết sức quan trọng. Do tác động của các quy luật giá trị, cạnh tranh, cung-cầu, kinh tế thị trường có mặt mạnh cơ bản là luôn kích thích việc cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa quy trình sản xuất kinh doanh. Nhưng vì bị chi phối bởi động cơ lợi nhuận, kinh tế thị trường không tránh khỏi các yếu tố tự phát vô chính phủ, dẫn đến suy thoái kinh tế chu kỳ và nhất là không thể tự động dẫn đến công bằng xã hội. Do đó, Nhà nước xã

hội chủ nghĩa phải biết tận dụng mặt mạnh của cơ chế thị trường để giải phóng và phát triển sản xuất, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, đồng thời phải kết hợp sử dụng các công cụ pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch và sức mạnh vật chất của khu vực kinh tế Nhà nước để khắc phục những khuyết tật của thị trường nhằm bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ lợi ích chính đáng của nhân dân.

3. 2. Kiến nghị về một số hướng giải pháp

Hệ quan điểm cụ thể vừa nêu ở trên cần được vận dụng một cách tổng hợp để xác định những hướng giải pháp cơ bản nhằm bảo đảm tốt hơn công bằng xã hội trong quá trình nâng cao chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- *Thứ nhất*, tiếp tục thực hiện nghiêm túc nguyên tắc phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào quá trình sản xuất, kinh doanh.

Việc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế được xem là chủ yếu và đặt ở vị trí hàng đầu của công bằng xã hội vì chính lao động có năng suất, chất lượng và hiệu quả mới thực sự là nguồn gốc quan trọng nhất tạo ra mọi của cải cho xã hội. Nhưng trong điều kiện chuyển sang nền kinh tế thị trường nhiều thành phần, thì ngoài phân phối theo kết quả lao động, việc phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác vào sản xuất, kinh doanh cũng phải được coi là công bằng.

Dĩ nhiên thừa nhận điều này cũng có nghĩa là chấp nhận sự tồn tại của quan hệ bóc lột giá trị thặng dư ở một phạm vi nhất định. Song đây là điều không thể tránh khỏi, khi trình độ lực lượng sản xuất ở nước ta còn thấp, thì việc huy động, thu hút vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của tư bản tư nhân trong nước và tư bản nước ngoài đầu tư vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, qua đó góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo thêm việc làm, tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống cho người lao động vẫn còn là yêu cầu khách quan tất yếu.

- *Thứ hai*, trong việc thực hiện đầu tư cho phát triển, cần có quy hoạch và kế hoạch cụ thể để cân đối hợp lý mức đầu tư cho các vùng lãnh thổ khác nhau. Việc dành mức đầu tư cao hơn cho các vùng kinh tế động lực là rất cần thiết nhằm tạo ra những "đầu tàu" tăng trưởng để kéo toàn bộ "đoàn tàu" kinh tế Việt Nam đi lên. Song không thể không chú ý đầu tư thích đáng cho các vùng khác, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, nhằm giảm dần khoảng cách về trình độ phát triển giữa các vùng này, từng bước khắc phục tình trạng "bất công tự nhiên" và bất công do lịch sử để lại, giữ vững ổn định chính trị-xã hội bảo đảm cho sự phát triển bền vững của đất nước. Bên cạnh đó, cũng có thể áp dụng thêm chế độ đảm phụ đối với những vùng có lợi thế về kinh tế-xã hội để hỗ trợ cho những vùng yếu thế hơn.

- *Thứ ba*, trong số những chính sách có liên quan đến phân phối lại tổng thu nhập quốc dân, không nên chỉ đặt vấn đề phân phối thông qua phúc lợi xã hội. Bởi lẽ khái niệm phúc lợi xã hội chỉ giới hạn trong phạm vi những lợi ích chung mà mọi người dân đều được hưởng như nhau. Còn trong hoàn cảnh cụ thể của nước ta hiện nay, các đối tượng của các chính sách xã hội là rất

đa dạng, do đó cần mở rộng chính sách phúc lợi xã hội thành *hệ thống chính sách an sinh xã hội nhiều tầng nấc*.

Hệ thống chính sách đó bao gồm: i) *Chính sách ưu đãi xã hội* nhằm bảo đảm mức sống ít nhất trên trung bình cho những người có công trong quá trình cách mạng và kháng chiến trước đây; ii) *Chính sách bảo hiểm xã hội* nhằm huy động sự tích góp một phần thu nhập của những người lao động lúc bình thường để dành chi tiêu cho những lúc gặp khó khăn (thất nghiệp, bệnh tật, tuổi già...); iii) *Chính sách trợ cấp xã hội* để trợ giúp những người yếu thế và dễ bị tổn thương như người tàn tật, người già cô đơn, trẻ em mồ côi lang thang cơ nhỡ... iv) *Chính sách cứu tế xã hội* để cưu mang những người bị thiệt hại nặng do địch họa, thiên tai hoặc rủi ro trong cuộc sống; v) *Chính sách tương trợ xã hội* nhằm phát huy truyền thống tương thân tương ái "lá lành đùm lá rách" trong cộng đồng để giúp nhau vượt qua khó khăn, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống.

- *Thứ tư*, cần tiến hành một cuộc đấu tranh quyết liệt có sự chỉ đạo sát sao từ cấp cao nhất, sử dụng nhiều "binh chủng hợp thành", nhiều biện pháp kết hợp để ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả những hiện tượng làm giàu phi pháp, vì đây chính là nhân tố vừa làm tổn hại đến tăng trưởng kinh tế chung vừa tạo ra bất công xã hội lớn nhất.

Những kẻ làm giàu phi pháp hiện nay thuộc hai nhóm: nhóm thứ nhất là bọn buôn gian, bán lận, lừa đảo, đầu cơ trên thương trường; nhóm thứ hai là những cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất lợi dụng vị thế và quyền lực được giao (nhất là trong các lĩnh vực quản lý nhà đất, xây dựng cơ bản, tài chính doanh nghiệp nhà nước...) để đục khoét tài sản của Nhà nước và của nhân dân. Hơn nữa, thực tế nhiều vụ án kinh tế lớn còn cho thấy rõ có sự móc ngoặc tinh vi giữa hai nhóm trên.

Cả hai nhóm này đều có lợi ích đối kháng với lợi ích của toàn xã hội. Chúng phải bị pháp luật trừng trị và xóa bỏ. Nếu chúng tiếp tục phát triển và câu kết chặt chẽ với nhau thì sớm muộn sẽ dẫn đến phá hoại sự nghiệp đổi mới từ bên trong, biến nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa thành nền kinh tế thị trường "hoang dã", gây bất bình trong quảng đại nhân dân, tạo thành nguy cơ lớn đe dọa sự sống còn của sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh mà Việt Nam đang ra sức phấn đấu để đạt tới.

CHÚ THÍCH

1. Sophie Bessis. From social exclusion to social cohesion – a policy agenda. Paris: UNESCO, 1995.

2. Hans-Ingvar Johnsson. Bức tranh toàn cảnh Thụy Điển. H.: Chính trị quốc gia, 1997.

3. Cơ quan đại diện Liên Hợp Quốc tại Việt Nam. Đưa các mục tiêu phát triển Thiên niên kỷ đến với người dân. H.: 2002.

4. UNDP. Báo cáo phát triển con người 2007/2008. Bản dịch và xuất bản bằng tiếng Việt với sự chấp thuận của UNDP. H.: 2007.

5. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X. H.: Chính trị quốc gia, 2006.